

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 31 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						483 363	115 500	367 863			
I		CẢNG CHÍNH						104 945	21 315	83 630			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						2 950	2 942	8			
1		THAN MIỀN TRUNG	30/7	1917/7	31/7	KHÁNH MINH 19	CỤC XỔ 1C	1 900	1 898	2	30/7	TD	Thay TBRT số 1890/7
2		KDT MIỀN BẮC	29/7	1915/7	31/7	BN 1386	CỤC 4A.2	1 050	1 044	6	30/7	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						25 150	18 373	6 777			
1		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	20/7	471/7		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750	17 457	5 293	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 22.750
2		MẬT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	23/7	1868/7	31/7	BN 0758	CỤC XỔ 1C	1 200	916	284	RÓT DỖ	TD	
3		TCT ĐÔNG BẮC	29/7	1761B/7	31/7	NB 8707	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN LẦN 1
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						76 845		76 845			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
2		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	24/7	476/7		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CÁM 5A.10	23 300		23 300		HỘ LỚN	TTCO: 23.300
3		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	28/7	484/7		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTCO: 23.000
4		KDT MIỀN BẮC	27/7	1886/7	31/7	HP 6690	CÁM 5A.1	2 220		2 220		PTCB	
5		KDT MIỀN BẮC	29/7	1914/7	31/7	HP-HD 2039	CÁM 5A.1	1 625		1 625		PTCB	
6		DVVT QUẢNG NINH	29/7	1908/7	31/7	BN 2519	CỤC XỔ 1C	1 100		1 100		TD	
		Tàu chuyển tải						217 740	70 238	147 502			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						164 450	70 238	94 212			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	20/7	472/7		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250	36 488	4 762	DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 15.248,22 XNK: 10.000 KDTCP: 8.000 KVCP: 8.250
2		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	24/7	475/7		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CÁM 5A.14	26 200	12 300	13 900	DỖ	HỘ LỚN	KDTCP: 6.000 XNKT: 10.000 TTHG: 10.200
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	24/7	478/7		GOLDEN STAR	CÁM 6A.1	23 600	15 450	8 150	DỖ	HỘ LỚN	TTHG:19.000 - KVCP:4.600
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	28/7	483/7		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.1	29 400	2 000	27 400	DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 23.000 - KVCP: 6.400
5		CP XNK THAN	28/7	1894/7		VIET THUAN OCEAN	CÁM 3B.2	44 000	4 000	40 000	DỖ		KVDB: 44.000
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						53 290		53 290			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	463/7		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 690		27 690		HỘ LỚN	TTHG:22.500 - KVCP:5.690
2		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	28/7	485/7		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 5A.10	25 600		25 600		HỘ LỚN	XNKT: 20.000 - KVDB: 5.600

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 31 THÁNG 7 NĂM 2026

[illegible]

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 31 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu dự kiến rút trong ngày											
		Tàu đã làm lệnh											
IV		KHO CẢNG KM6						16 996	8 596	8 400			
		Tàu đã làm hàng						7 710	7 643	67			
1		NHÔM LÂM ĐÔNG	29/7	1907/7	31/7	HOÀNG ANH 39	CẨM 5A.1	1 630	1 625	5	30/7	HỘ LỚN	NGUỒN QH
							CỤC 4A.2	1 340	1 293	47	30/7		
2		KDT MIỀN BẮC	28/7	1901/7	31/7	BN 2728	CẨM 6A.1	2 585	2 578	7	30/7	PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	29/7	1911/7	31/7	HP 4910	CẨM 6A.1	2 155	2 146	9	30/7	PTCB	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						7 286	953	6 333			
1		NHÔM ĐẮK NÔNG	30/7	1928/7	31/7	ĐỨC ĐỘNG 268	CẨM 5A.1	2 100		2 100		HỘ LỚN	
							CỤC 4A.2	2 000		2 000			
2		KDT MIỀN BẮC	29/7	1906/7	31/7	HP 6993	CẨM 5B.1	2 136	444	1 692	RỐT DỖ	PTCB	
3		CPVT THỦY	29/7	1912/7	31/7	BN 1746	CỤC DON 8A	1 050	509	541	RỐT DỖ	TD	
		Tàu đã làm lệnh						2 000		2 000			
1		DVVT QUẢNG NINH	29/7	1909/7	31/7	BN 1309	CỤC XỔ 1B	1 100		1 100		TD	
2		CPVT THỦY	30/7	1916/7	31/7	HP 6739	BÙN 3C	900		900		TD	
V		TÀU XUẤT KHẨU						77 500	3 490	74 010			
		Tàu đã làm hàng						3 500	3 490	10			
1		CAMPUCHIA	22/7	5154		MINH TUẤN 28	CỤC 4A.3	3 500	3 490	10	29/7		KVDB: 3.300
		Tàu dự kiến rút trong ngày											
		Tàu đã làm lệnh						74 000		74 000			
1		INDONESIA	20/7	5119		VIỆT THUẬN 30-06	CỤC 5B.2	29 000		29 000			KVDB: 10.000 VD: 19.000
2		MARUBENI	24/7	5227		TOMINI OROSHI	CẨM 3B.1	25 000		25 000			KVCP: 10.000 TTHG: 15.000
3		MARUBENI	30/7	5376		MV AFRICAN WOODSTAR	CẨM 3B.1	20 000		20 000			KVCP: 10.000 TTHG: 10.000
VI		TÀU NHẬP KHẨU		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				32 000	5 200	26 800			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày						7 000	5 200	1 800			
1		LÀO	27/7	5313		VIỆT THUẬN 235-02	Than Anthracite Lào	7 000	5 200	1 800	DỖ		KVCP: 7.000

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu đã làm lệnh						25 000		25 000			
1		LÀO	27/7	5312		VIỆT THUẬN 26-03	Than Anthracite Lào	5 000		5 000			TTCO: 5.000
2		ÚC	27/7	5310		MV LADY ANNE	Than nhiệt xuất xứ từ Úc	20 000		20 000			TTCO: 10.000 KVCP: 10.000
										0			
										0			

